

Số: 1435/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030  
của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;*

*Căn cứ Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (trước đây) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh (cũ), giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (trước đây) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết (cũ), giai đoạn 2021-2030;*

Xét Báo cáo kết quả thẩm định số 544/BC-SNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Tờ trình số 270/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 04/TTr-BQLRPHLN ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh về việc đề nghị điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3441/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh, giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai) phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tà Thiết, giai đoạn 2021-2030 (trước đây), sau khi điều chỉnh các nội dung được hợp nhất trong Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 3441/QĐ-UBND và Quyết định số 2322/QĐ-UBND như sau:

“1. Tên chủ rừng: Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh.

2. Địa chỉ: Ấp Tà Thiết, xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng và kết quả quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

a) Hiện trạng tài nguyên rừng

Tổng diện tích tự nhiên do đơn vị quản lý đến thời điểm hiện tại là 22.908,90 ha; trong đó:

- Phân theo 03 loại rừng: Rừng phòng hộ là 4.512,75 ha; rừng sản xuất là 18.372,09 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,85 ha và diện tích có rừng tự nhiên ngoài 03 loại rừng là 21,21 ha.

- Phân theo hiện trạng rừng và đất chưa có rừng: đất có rừng 16.801,24 ha (đất có rừng tự nhiên là 2.959,82 ha, đất có rừng trồng là 13.841,42 ha); đất chưa có rừng 6.107,66 ha.

b) Trữ lượng các loại rừng

Tổng trữ lượng các loại rừng: 1.037.466,4 m<sup>3</sup> gỗ và 3.056.314 cây tre, nứa các loại; trong đó:

- Rừng tự nhiên: Tổng trữ lượng gỗ 308.275,6 m<sup>3</sup> gỗ và tổng trữ lượng tre, nứa 2.995.904 cây tre, nứa các loại.

- Rừng trồng: Tổng trữ lượng gỗ 729.190,8 m<sup>3</sup> gỗ và tổng trữ lượng tre nứa 60.410 cây tre, nứa các loại.

c) Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

- Hàng năm, Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh phối hợp với Hạt Kiểm lâm Khu vực 6, Hạt Kiểm lâm Khu vực 9, Hạt Kiểm lâm Khu vực 10 tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật diễn biến rừng theo quy định; xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý, bảo vệ rừng và phương án phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR).

- Công tác bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên với lực lượng chuyên trách gồm 08 người (06 chốt bảo vệ rừng); tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR với các hộ dân sống ven rừng, đồng thời tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng. Công tác PCCCR được tổ chức với 01 Ban Chỉ đạo (04 thành viên) và 12 tổ PCCCR, duy trì trực 24/24 giờ trong mùa khô; giai đoạn 2021–2025 không xảy ra cháy rừng.

- Công tác sử dụng và phát triển rừng được quan tâm thực hiện, bao gồm trồng mới rừng trên diện tích đất trống và trồng lại rừng sau khai thác; đồng thời quản lý hiệu quả diện tích rừng trồng hiện có với khoảng 732,36 ha điều và 12.261,95 ha cao su, sản lượng ước đạt 1.510 tấn hạt điều/năm và 76.008 tấn mủ cao su/năm.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học được chú trọng thực hiện, trên cơ sở kết quả điều tra, rà soát và cập nhật hiện trạng tài nguyên rừng. Hiện nay, hệ thực vật ghi nhận 151 loài thuộc 53 họ, hệ động vật ghi nhận 66 loài thuộc 33 họ (gồm thú, chim, bò sát và lưỡng cư), phản ánh mức độ đa dạng sinh học tương đối cao. Đơn vị đã tổ chức theo dõi, cập nhật danh lục loài; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ tác động đến hệ sinh thái rừng; tăng cường tuần tra, ngăn chặn các hành vi săn bắt, bẫy, khai thác trái phép động, thực vật rừng. Đồng thời, lồng ghép công tác bảo tồn với hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng nhằm duy trì ổn định cấu trúc hệ sinh thái. Bên cạnh đó, hệ sinh thái rừng có giá trị cảnh quan và sinh học, tạo tiềm năng phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn thiên nhiên, góp phần nâng cao giá trị sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

- Công tác tuần tra, kiểm tra và xử lý vi phạm được duy trì thường xuyên; giai đoạn 2021–2025 phát hiện 03 vụ vi phạm (100% vụ việc được xử lý), bình quân 0,6 vụ/năm; các vi phạm mang tính nhỏ lẻ, không gây thiệt hại đến rừng tự nhiên, tình hình cơ bản được kiểm soát.

#### 4. Mục tiêu

##### a) Mục tiêu chung

- Tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng theo hướng hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; nâng cao chất lượng, giá trị và hiệu quả sử dụng rừng.

- Khai thác hợp lý tiềm năng của rừng phục vụ phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trong rừng và nghiên cứu khoa học, đào tạo và các hoạt động dịch vụ môi trường rừng, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Từng bước thực hiện quản lý rừng bền vững theo quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và định hướng phát triển ngành lâm nghiệp trong giai đoạn 2026-2030 và các giai đoạn tiếp theo.

##### b) Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu về môi trường: Giai đoạn 2026-2030, bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng tự nhiên hiện có; thực hiện trồng mới 137,4 ha trong năm 2026, các năm tiếp theo thực hiện theo quy hoạch và kế hoạch được phê duyệt; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 201,37 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung 90 ha; nuôi dưỡng rừng tự nhiên 1.000 ha; chăm sóc rừng trồng hiện có và thực hiện chuyển đổi 517 ha đất rừng sản xuất sang đất rừng đặc dụng. Đồng thời tiếp tục đầu tư, hoàn thiện hạ tầng phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ loài nguy cấp, quý, hiếm và từng bước hình thành hành lang sinh thái bền vững trong lâm phần.

- Mục tiêu về xã hội: (i) Hàng năm, tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học tại các xã và các trường học thuộc khu vực lâm phần, góp phần hạn chế vi phạm pháp luật về lâm nghiệp; (ii) Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức và người lao động; tăng cường năng lực quản lý, kỹ thuật trong bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển du lịch sinh thái; (iii) Góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân địa phương thông qua các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng và dịch vụ môi trường rừng.

- Mục tiêu về kinh tế: (i) Từng bước nâng cao mức độ tự chủ tài chính thông qua các nguồn thu hợp pháp như: dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ hấp

thụ và lưu trữ các-bon rừng, hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và các dịch vụ lâm nghiệp khác; (ii) Phấn đấu đến năm 2030, nguồn thu này tăng cao hơn hiện nay, góp phần cải thiện thu nhập cho viên chức, người lao động và giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước.

5. Các nội dung chính về thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030

a) Kế hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở rà soát hiện trạng và định hướng quy hoạch, đến năm 2030 tổng diện tích quy hoạch sử dụng đất của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh là 17.390,21 ha, trong đó:

- Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng là 517 ha (toàn bộ diện tích này được quy hoạch là khu bảo vệ cảnh quan), tăng 517 ha do chuyển đổi từ rừng sản xuất.

- Diện tích quy hoạch rừng phòng hộ là 3.995,30 ha, giảm 517,45 ha so với hiện nay, chủ yếu do chuyển mục đích 7,55 ha để đầu tư dự án và giao địa phương quản lý 509,90 ha; đồng thời, diện tích 3.995,30 ha rừng phòng hộ đầu nguồn trong vành đai biên giới sẽ được điều chỉnh sang rừng phòng hộ biên giới.

- Diện tích quy hoạch rừng sản xuất là 12.875,06 ha, giảm 5.497,03 ha so với hiện nay; nguyên nhân gồm tăng 21,21 ha từ diện tích rừng tự nhiên ngoài 03 loại rừng và nguyên nhân giảm 5.518,24 ha do chuyển sang rừng đặc dụng, chuyển mục đích sử dụng rừng và giao về địa phương quản lý.

- Diện tích đất xây dựng trụ sở, cơ quan giữ nguyên 2,85 ha (hiện trạng là trụ sở của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh và Chốt bảo vệ rừng Hoa Lư đã được đưa vào sử dụng từ năm 2006).

b) Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ

- Khoán ổn định

Trong giai đoạn đến năm 2030, Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh tiếp tục thực hiện hình thức khoán ổn định đối với diện tích 5.775,67 ha đã giao khoán ổn định cho 1.132 hộ gia đình, cá nhân.

- Khoán công việc, dịch vụ

Khoán công việc, dịch vụ chủ yếu tập trung vào hoạt động khoán bảo vệ rừng hàng năm với đối tượng là những diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng nằm trong khu vực tham gia cung ứng dịch vụ môi trường rừng; khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng; khoán thực hiện một số công trình lâm sinh như làm

đường băng phòng cháy chữa cháy rừng...

- Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý

Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về triển khai mô hình đồng quản lý rừng trên phạm vi cả nước. Do đó, trước mắt Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh chưa áp dụng mô hình này. Ban tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương, tổ chức đoàn thể và cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về lâm nghiệp. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế thí điểm mô hình đồng quản lý, Ban sẽ nghiên cứu, đánh giá tính khả thi và báo cáo đề xuất áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

c) Các nội dung khác, gồm: (i) Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; (ii) Kế hoạch phát triển rừng; (iii) Khai thác lâm sản; (iv) Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực; (v) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí; (vi) Sản xuất lâm, nông nghiệp kết hợp; (vii) Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; (viii) Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng; (ix) Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng; (x) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng; (xi) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng; và (xii) Chế biến, thương mại lâm sản (*Chi tiết tại Phương án kèm theo*).

## 6. Nhu cầu và nguồn vốn thực hiện Phương án

Tổng hợp nhu cầu vốn thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đến năm 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh là 96.773,99 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn sự nghiệp là 26.076 triệu đồng;
- Nguồn vốn đầu tư phát triển là 4.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng là 12.257 triệu đồng;
- Nguồn vốn trồng rừng thay thế là 54.440,99 triệu đồng;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) được huy động và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

## 7. Hiệu quả của Phương án

### a) Hiệu quả về kinh tế

- Thông qua các chương trình dự án và các hoạt động sản xuất lâm - nông kết hợp, phương án góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập ổn định cho người dân địa phương, đồng thời giảm áp lực khai thác trái phép tài nguyên rừng.

- Việc đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông, đường lâm nghiệp giúp cải thiện điều kiện tiếp cận rừng, hỗ trợ công tác tuần tra, kiểm tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng một cách hiệu quả, chủ động. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ, sản xuất nông lâm nghiệp bền vững.

- Thông qua ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng tại Khu Di tích lịch sử Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

#### b) Hiệu quả về xã hội

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, giá trị và tầm quan trọng của rừng thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, đào tạo và chia sẻ lợi ích từ rừng.

- Ổn định đời sống và từng bước tăng thu nhập cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng cũng như lao động tham gia sản xuất lâm nghiệp. Ngoài ra, phương án tạo việc làm thời vụ cho các hộ gia đình, cộng đồng dân cư, bình quân mỗi năm góp phần giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương.

- Thúc đẩy liên kết giữa Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh với cộng đồng dân cư trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, qua đó tăng cường sự đồng thuận xã hội và đảm bảo an sinh bền vững.

#### c) Hiệu quả về môi trường

- Các hệ sinh thái rừng được quản lý, bảo tồn và phát triển theo hướng bền vững; các nguồn gen động, thực vật rừng quý hiếm được gìn giữ, góp phần bảo tồn đa dạng sinh học cho hiện tại và thế hệ mai sau. Rừng phòng hộ phát huy chức năng điều tiết nguồn nước, cung cấp nước ổn định cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, cũng như phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Tỷ lệ che phủ rừng cao giúp cải thiện điều kiện vi khí hậu, giảm xói mòn, hạn chế thiên tai, đồng thời tạo cảnh quan sinh thái, không gian sống trong lành, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục môi trường, nghiên cứu khoa học và thực hành mô hình phát triển lâm nghiệp bền vững. Trong quá trình triển khai một số hoạt động như khai thác rừng trồng đến tuổi thành thực; khai thác lâm sản từ cây công nghiệp hết chu kỳ (cao su, điều...); xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp,... có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường (làm suy giảm độ che phủ tạm thời, gia tăng nguy cơ xói mòn, phát sinh chất thải, tiếng ồn...)

8. Giải pháp thực hiện Phương án, gồm: (i) Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực; (ii) Giải pháp về phối hợp các bên liên quan; (iii) Giải pháp về khoa học, công nghệ; (iv) Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư; (v) Giải pháp về giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, về bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống và (vi) Giải pháp về thực hiện quy hoạch.

*(Chi tiết tại Phương án quản lý rừng bền vững và bản đồ được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung kèm theo)*”.

2. Sửa đổi, bổ sung mục 8.2 khoản 8 Điều 1 của Quyết định số 3441/QĐ-UBND và Điều 2 của Quyết định số 2322/QĐ-UBND như sau:

## **“2. Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Phương án theo đúng quy định; thực hiện các nội dung đã được phê duyệt, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, đảm bảo về tiến độ và yêu cầu chất lượng; chỉ đạo, điều hành chung, chịu trách nhiệm toàn diện và phân công phụ trách các lĩnh vực bảo vệ, phát triển rừng, khai thác lâm sản, quản lý đất lâm nghiệp, dự án đầu tư, dịch vụ môi trường rừng, cơ sở hạ tầng, tài chính, nhân sự, cải cách hành chính và công tác đoàn thể.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý đất đai, môi trường tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh; giám sát, kiểm soát các dự án có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng; hướng dẫn, tham mưu thực hiện thủ tục chuyển mục đích theo quy định. Hướng dẫn rà soát, tích hợp (nếu phù hợp) vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã.

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu kinh phí do Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, căn cứ tình hình ngân sách và nguồn vốn đầu tư công hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối và đảm bảo nguồn kinh phí để Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh triển khai thực hiện các nội dung của Phương án đạt hiệu quả, đúng quy định. Hướng dẫn, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý xây dựng; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư hạ tầng giao thông tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh; rà soát, đề xuất danh mục dự án hạ tầng giao thông theo Phương án được duyệt. Kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động xây dựng theo quy định pháp luật.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với chủ rừng thẩm định, góp ý các hồ sơ liên quan đến dự án du lịch; định hướng phát triển sản phẩm, phát triển thị trường khách du lịch; hỗ trợ chủ rừng, nhà đầu tư trong hoạt động quảng bá, xúc tiến, hợp tác phát triển du lịch. Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch.

6. Sở Công Thương: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về đầu tư, quản lý hệ thống cấp điện, đặc biệt tại khu du lịch và di tích lịch sử; đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển nghề thủ công, làng nghề, du lịch cộng đồng phù hợp định hướng Phương án, gắn với chương trình khuyến nông, khuyến công của tỉnh.

7. Chính quyền địa phương có liên quan: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp, đất đai và quy định liên quan để người dân chấp hành; cập nhật nội dung sử dụng đất của Phương án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã. Phối hợp, hỗ trợ lực lượng với Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung khác không điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 3441/QĐ-UBND 31/12/2020 và Quyết định số 2322/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (trước đây).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng; Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Thạnh, Minh Đức, Tân Khai, Tân Tiến; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường: Chơn Thành, Minh Hưng; Giám đốc Quỹ Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Lộc Ninh và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTN, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hoàng**